



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Trụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng
Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562
Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số: 48... /TCKT- 2019

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2019

(V/v: Công bố BCTC riêng
giữa niên độ đã được soát xét)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Lilama 69-2**
2. Mã chứng khoán: **L62**
3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Trần Thị Hương** – Kế toán trưởng Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố:
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cổ phần Lilama 69-2 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.
7. Địa chỉ Website đăng tải: <http://www.lilama69-2.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CÔNG BỐ THÔNG TIN *Mg*



Nơi nhận:

- Như k.gửi,
- Lưu.

Trần Thị Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
3	Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng</i>	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020015547 ngày 29/12/2017 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Ông Trương Đức Thành	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị	
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/05/2019
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Hóa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2019
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/05/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương, chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 043/2019/BCSXR-PB.00081

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 08 năm 2019, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



LÊ VIỆT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		514.397.784.132	488.607.366.647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.832.205.968	6.614.657.520
1. Tiền	111		5.832.205.968	6.614.657.520
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		260.579.140.964	264.222.873.639
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	201.355.716.781	219.286.651.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.133.164.655	24.097.641.270
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	45.303.701.067	28.052.022.371
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.213.441.539)	(7.213.441.539)
IV. Hàng tồn kho	140		247.843.134.493	217.172.551.139
1. Hàng tồn kho	141	5.4	247.843.134.493	217.172.551.139
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		143.302.707	597.284.349
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	143.302.707	597.284.349
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.724.178.492	110.311.967.687
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.975.018.895	2.544.006.015
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	2.975.018.895	2.544.006.015
II. Tài sản cố định	220		78.720.730.984	79.941.993.853
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	77.920.372.694	79.063.424.651
- Nguyên giá	222		168.594.337.208	165.867.324.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.673.964.514)	(86.803.900.227)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	800.358.290	878.569.202
- Nguyên giá	225		1.251.374.545	1.251.374.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(451.016.255)	(372.805.343)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		935.731.847	935.731.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(935.731.847)	(935.731.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	23.704.365.536	22.477.198.912
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23.704.365.536	22.477.198.912
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.324.063.077	5.348.768.907
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	5.324.063.077	5.348.768.907
TỔNG TÀI SẢN	270		625.121.962.624	598.919.334.334

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		515.061.858.631	489.641.178.558
I. Nợ ngắn hạn	310		498.915.044.847	471.499.436.820
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	70.847.458.223	69.614.391.878
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		69.760.161.829	60.296.597.537
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11a	1.465.976.045	1.729.173.184
4. Phải trả người lao động	314		409.583.681	1.574.556.728
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	57.704.538.581	57.643.711.879
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		4.687.246.804	11.698.432.274
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	570.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	8.024.154.923	10.517.464.107
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	284.797.013.505	256.868.368.531
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.218.911.256	986.740.702
II. Nợ dài hạn	330		16.146.813.784	18.141.741.738
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	16.146.813.784	18.141.741.738
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.060.103.993	109.278.155.776
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	110.060.103.993	109.278.155.776
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.854.216.596	19.592.046.042
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.333.125.863	3.333.125.863
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.853.869.261	3.334.091.598
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối	421a		2.809.750.490	2.023.238.829
kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.044.118.771	1.310.852.769
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		625.121.962.624	598.919.334.334



Vũ Kế Chương
 Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Trần Thị Hương
 Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	184.922.713.672	185.379.123.836
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		184.922.713.672	185.379.123.836
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	159.868.578.028	166.074.178.875
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.054.135.644	19.304.944.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	62.303.307	51.637.260
7. Chi phí tài chính	22	6.4	14.542.476.414	12.487.331.385
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.405.789.705</i>	<i>12.284.114.714</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.422.983.874	7.269.920.669
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.150.978.663	(400.669.833)
11. Thu nhập khác	31		232.761.659	6.910.964.412
12. Chi phí khác	32		879.166.121	5.216.596.000
13. Lợi nhuận khác	40		(646.404.462)	1.694.368.412
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.504.574.201	1.293.698.579
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	471.274.298	288.431.408
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.033.299.903	1.005.267.171



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2019 VND	2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	218.234.192.616	239.091.438.633
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(196.403.720.969)	(134.069.479.562)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(34.624.089.238)	(35.717.413.367)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(12.551.378.192)	(12.047.294.457)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(373.410.737)	(600.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	15.374.989.626	2.251.852.850
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(13.671.693.998)	(7.765.947.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.015.110.892)	51.143.156.888
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.690.194.216)	(4.037.007.929)
2. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.473.083	16.318.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.677.721.133)	(4.020.689.310)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	139.521.444.308	74.066.121.381
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(113.466.127.286)	(101.847.569.807)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(121.600.002)	(259.621.322)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.933.717.020	(28.041.069.748)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(759.115.005)	19.081.397.830
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.614.657.520	8.263.726.876
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	(23.336.547)	17.272.408
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.832.205.968	27.362.397.114



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: sơn mạ thiết bị kết cấu thép;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30/6/2019, công ty có 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần Lilama 69-2 - Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

4.8 **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	889.467.692	139.786.431
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.942.738.276	6.474.871.089
Cộng	5.832.205.968	6.614.657.520

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	201.355.716.781	219.286.651.537
- Công ty CP tập đoàn Hoàng Liên Sơn	6.610.270.958	-
- Công ty cổ phần cơ khí và lắp máy Việt Nam - COLAVI - HĐ 160801 ngày 01/08/2016	18.064.085.789	18.064.085.789
- Công ty cổ phần Gas Việt Nhật	20.890.000.000	18.870.000.000
- Công ty Cổ phần thép Miền Bắc	5.150.145.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Trí Đức	10.280.411.478	25.480.411.478
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và tư vấn Đông Nam á	18.095.185.747	-
- Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Olympia HĐ 616 - KS Accor Sapa	8.624.281.627	13.751.429.870
- Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC) HĐ 02/2017	6.287.964.295	9.250.413.684
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Dự án Nhiệt điện Sông Hậu số HĐ 290916/LILAMA-LI.69.2	6.235.097.559	-
- Khách hàng khác	101.118.274.328	133.870.310.716
Cộng	201.355.716.781	219.286.651.537

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	45.303.701.067	-	28.052.022.371	-
- Ký cược, ký quỹ	11.320.928.406	-	7.483.112.124	-
- Phải thu khác	2.254.244.232	-	2.640.403.803	-
- Tạm ứng	31.728.528.429	-	17.928.506.444	-
Dài hạn	2.975.018.895	-	2.544.006.015	-
- Ký cược, ký quỹ	2.975.018.895	-	2.544.006.015	-
Cộng	48.278.719.962	-	30.596.028.386	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.4 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.724.251.013	-	42.412.128.019	-
Công cụ, dụng cụ	1.665.699.607	-	1.771.799.306	-
Chi phí SXKD DD	201.453.183.873	-	172.988.623.814	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	247.843.134.493	-	217.172.551.139	-

5.5 Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	143.302.707	597.284.349
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	108.124.272	199.167.696
- Chi phí thuê mặt bằng	-	296.039.588
- Các khoản khác	35.178.435	102.077.065
b. Dài hạn	5.324.063.077	5.348.768.907
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	93.654.721	53.637.834
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	134.513.888	139.930.556
- Các khoản khác	5.095.894.468	5.155.200.517
Cộng	5.467.365.784	5.946.053.256

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm	TSCĐ	Cộng
	máy vi tính	vô hình khác	
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối kỳ	-	935.731.847	935.731.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	935.731.847	935.731.847
Số cuối kỳ	-	935.731.847	935.731.847
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	77.035.500.907	51.549.671.765	36.844.394.894	437.757.312	-	165.867.324.878
- Mua trong kỳ	-	2.860.012.330	-	-	-	2.860.012.330
- Tặng khác - Phân loại lại	-	-	5.236.000	-	-	5.236.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(133.000.000)	-	-	-	(133.000.000)
- Giảm khác - Phân loại lại	-	(5.236.000)	-	-	-	(5.236.000)
Số cuối kỳ	77.035.500.907	54.271.448.095	36.849.630.894	437.757.312	-	168.594.337.208
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	24.874.613.797	27.421.750.700	34.183.906.532	323.629.198	-	86.803.900.227
- Khấu hao trong kỳ	1.638.159.936	1.643.310.146	608.751.548	15.309.324	-	3.905.530.954
- Tăng khác - Phân loại lại	-	-	94.162.141	-	-	94.162.141
- Thanh lý, nhượng bán	-	(35.466.667)	-	-	-	(35.466.667)
- Giảm khác - Phân loại lại	-	(94.162.141)	-	-	-	(94.162.141)
Số cuối kỳ	26.512.773.733	28.935.432.038	34.886.820.221	338.938.522	-	90.673.964.514
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	52.160.887.110	24.127.921.065	2.660.488.362	114.128.114	-	79.063.424.651
Số cuối kỳ	50.522.727.174	25.336.016.057	1.962.810.673	98.818.790	-	77.920.372.694

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

60.129.283.944 đồng
48.862.379.843 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	1.251.374.545	-	1.251.374.545
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.251.374.545</u>	<u>-</u>	<u>1.251.374.545</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	372.805.343	-	372.805.343
- Khấu hao trong kỳ	78.210.912	-	78.210.912
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>451.016.255</u>	<u>-</u>	<u>451.016.255</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>878.569.202</u>	<u>-</u>	<u>878.569.202</u>
Số cuối kỳ	<u>800.358.290</u>	<u>-</u>	<u>800.358.290</u>

5.9 Tài sản dở dang

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang		-		-
- Các dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2017 trở về trước	20.213.394.270	20.213.394.270	19.020.827.189	19.020.827.189
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2018	2.793.858.766	2.793.858.766	3.456.371.723	3.456.371.723
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Công ty năm 2019	697.112.500	697.112.500	-	-
Cộng	<u>23.704.365.536</u>	<u>23.704.365.536</u>	<u>22.477.198.912</u>	<u>22.477.198.912</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.10 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	70.847.458.223	70.847.458.223	69.614.391.878	69.614.391.878
- Công ty CP Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881	-	-
- Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hoàng Đạt	5.223.303.091	5.223.303.091	-	-
- Công ty cổ phần TM và xây dựng tổng hợp Miền Bắc	8.937.057.800	8.937.057.800	-	-
- Công ty cổ phần xây lắp TST	1.006.161.278	1.006.161.278	3.530.806.440	3.530.806.440
- Công ty TNHH gia công cơ khí Minh Long	2.180.330.901	2.180.330.901	3.825.606.401	3.825.606.401
- Công ty TNHH Thương mại và vận tải Minh Hoàng	-	-	3.349.493.000	3.349.493.000
- Peter Cremer (S) GMBH	-	-	9.448.319.992	9.448.319.992
- Phải trả khác	45.204.795.272	45.204.795.272	49.460.166.045	49.460.166.045
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	70.847.458.223	70.847.458.223	69.614.391.878	69.614.391.878

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối kỳ VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	1.729.173.184	2.232.108.738	2.495.305.877	1.465.976.045
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	693.465.872	1.517.908.732	1.832.721.250	378.653.354
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	745.220.157	471.274.298	373.410.737	843.083.718
- Thuế thu nhập cá nhân	290.487.155	100.507.908	146.756.090	244.238.973
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	139.417.800	139.417.800	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	778.429.295	778.429.295	-
Cộng	1.729.173.184	3.010.538.033	3.273.735.172	1.465.976.045

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.12 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	57.704.538.581	57.643.711.879
- Trích trước chi phí công trình	55.743.523.402	57.537.108.213
- Trích trước lãi vay phải trả	1.961.015.179	106.603.666
b. Dài hạn	-	-
Cộng	57.704.538.581	57.643.711.879

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	8.024.154.923	10.517.464.107
- Kinh phí công đoàn	2.151.682.942	2.268.163.694
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	1.830.862.154	1.823.109.149
- Bảo hiểm thất nghiệp	213.928.185	213.280.103
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.827.681.642	6.212.911.161
b. Dài hạn	-	-
Cộng	8.024.154.923	10.517.464.107

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019****5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

TT	Nội dung	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	Vay ngắn hạn	284.797.013.505	284.797.013.505	139.521.444.308	111.592.799.334	256.868.368.531	256.868.368.531
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng ⁽¹⁾	218.422.706.969	218.422.706.969	82.101.628.639	59.229.758.104	195.550.836.434	195.550.836.434
-	Ngân hàng TMCP An Bình ⁽²⁾	23.490.886.411	23.490.886.411	2.175.779.950	23.613.390.082	44.928.496.543	44.928.496.543
-	Ngân hàng TMCP quân đội ⁽³⁾	37.917.521.585	37.917.521.585	48.905.420.107	21.401.174.565	10.413.276.043	10.413.276.043
-	Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	2.965.898.540	2.965.898.540	6.338.615.612	7.348.476.583	3.975.759.511	3.975.759.511
-	Vay cá nhân	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
b.	Vay dài hạn	15.842.813.795	15.842.813.795	-	1.873.327.952	17.716.141.747	17.716.141.747
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng ⁽⁵⁾	11.485.185.210	11.485.185.210	-	-	11.485.185.210	11.485.185.210
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng ⁽⁶⁾	4.357.628.585	4.357.628.585	-	1.873.327.952	6.230.956.537	6.230.956.537
c.	Thuê tài chính	303.999.989	303.999.989	-	121.600.002	425.599.991	425.599.991
-	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN ⁽⁷⁾	303.999.989	303.999.989	-	121.600.002	425.599.991	425.599.991
Cộng		300.943.827.289	300.943.827.289	139.521.444.308	113.587.727.288	275.010.110.269	275.010.110.269

d. Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả tiền lãi thuê
- Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
- Trên 1 đến 5 năm	139.746.831	18.146.829	291.249.542	31.628.220
				259.621.322

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng SHB Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 670/2018/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 26/07/2018, thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp số 391/14.BĐ/133.PTV ngày 19/03/2014; Hợp đồng số 733/KD/09.TCTS ngày 30/12/2008; Hợp đồng số 1075/12.BĐ/346.NA ngày 30/05/2014; Hợp đồng số 0502/2013/TCQĐN/SHB.HP ngày 04/02/2013; Hợp đồng số 392A/14/BĐ/134.PTV ngày 19/03/2014 và Hợp đồng số 393/14.BĐ/135/PTV ngày 19/03/2014, Hợp đồng thế chấp số 17811/2014/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 28/11/2014, Hợp đồng thế chấp số: 5805/2015/HĐTC-QĐN/SHB 110400 ngày 04/05/2015, Hợp đồng thế chấp số: 14412/2016/TCQĐN/SHB/ 114000 ngày 02/12/2016, Hợp đồng thế chấp số: 164/2018/TCQĐN/SHB.11040 ngày 23/03/2018, Hợp đồng thế chấp số: 303/2018/TCQĐN/SHB.110400 ngày 14/06/2018.

(2) Vay Ngân hàng TMCP An Bình – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 3586/18 TD-TT/XI ngày 27/07/2018, thời hạn vay 31/03/2019, hạn mức vay tối đa là 40 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thanh toán chi phí đầu vào hợp lý phục vụ thực hiện Hợp đồng thi công chế tạo tuyến ống ngầm cấp khí N2/O2/H2 ngày 03/04/2018 giữa Công ty CP Gas Việt Nhật và Công ty cổ phần Lilama 69-2, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo trong hợp đồng thế chấp số 3860/18/TC-TT/XI.

- Hợp đồng cho vay từng lần số 5650/18 TD-TT/XI ngày 03/12/2018, hạn mức vay tối đa là 12.5 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thanh toán chi phí đầu vào hợp lý phục vụ thực hiện Hợp đồng thi công chế tạo số: 98/2018/HĐ/OCC-LILAMA 69-2 ngày 05/05/2018 giữa Công ty TNHH xây dựng dân dụng Olympia và Công ty cổ phần Lilama 69-2, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo trong hợp đồng thế chấp số số 6006/18/TC-TT/XI.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 17896.19.257.1339407.TD ngày 27/05/2019, thời hạn cấp tín dụng đến ngày 17/04/2020, hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 25 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tĩnh điện của khách hàng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và các quyền đòi nợ.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3813/18/HĐTD ký ngày 28/06/2018, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 3 tỷ đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí vật tư, hàng hóa chi phí nhân công đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6774/18MB/HĐTD ngày 09/10/2018, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 60 tỷ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là lô hàng hình thành từ nguồn vốn vay theo LC nhập khẩu trực tiếp mở tại HDBank.

(5) Khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số SHB14L2106/2009/HĐT/TDH-DN/SHBHP ngày 18/6/2009; Mục đích vay để đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị lọc bụi tĩnh điện; thời hạn vay là 90 tháng; lãi suất vay thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án hình thành sau đầu tư.

(6) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 141.15.257.1339407.TD ngày 03/9/2015; thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để thanh toán tiền đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động SXKD. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Hợp đồng tín dụng số 64877.16.257.1339407.TD ngày 30/9/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cao năng lực sản xuất năm 2016. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Hợp đồng cho vay số 133024.17.257.1339407.TD ngày 28/06/2017, thời hạn cho vay là 48 tháng, số tiền cho vay là 14 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ trung hạn đầu tư sửa chữa, xây mới văn phòng – nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị, lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(7) Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng sau:

+ *Hợp đồng thuê tài chính 43.16.01/CTTC ngày 11/8/2016, thời hạn 48 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 972.800.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi suất cơ bản đồng Việt Nam do Công ty cho thuê tài chính – NHTMCP Ngoại thương Việt Nam công bố vào thời điểm thanh toán cộng biên độ 2,3%.*

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.15 Vốn chủ sở hữu**5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	82.982.430.000	36.462.273	-	-	-	-	19.592.046.042	-	3.333.125.863	3.334.091.598	109.278.155.776	-	-	-
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.033.299.903	1.033.299.903	-	-	1.033.299.903
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	262.170.554	-	-	-	-	-	-	262.170.554
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.818.868	10.818.868	-	-	10.818.868
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(524.341.108)	(524.341.108)	-	-	(524.341.108)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30/06/2019	82.982.430.000	36.462.273	-	-	-	-	19.854.216.596	-	3.333.125.863	3.853.869.261	110.060.103.993	-	-	-

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 52/NQ-DHĐCĐ2019 ngày 20/04/2019:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 262.170.554 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 262.170.554 đồng
Tổng cộng: 524.341.108 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	-	37.305.150.000
- Vốn góp của cổ đông khác	82.982.430.000	45.677.280.000
Cộng	82.982.430.000	82.982.430.000

5.15.3 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ CP	Số đầu năm CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Doanh thu hoạt động xây lắp	133.075.211.778	164.189.931.232
- Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ khác	51.847.501.894	21.189.192.604
Cộng	184.922.713.672	185.379.123.836

6.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	109.430.571.074	145.566.365.271
- Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ khác	50.438.006.954	20.507.813.604
Cộng	159.868.578.028	166.074.178.875

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.830.154	13.354.216
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.473.153	5.681.356
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	32.601.688
Cộng	62.303.307	51.637.260

6.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Chi phí lãi vay	14.405.789.705	12.284.114.714
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.587.014	31.171.522
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	70.164.516	172.045.149
- Chi phí tài chính khác	17.935.179	-
Cộng	14.542.476.414	12.487.331.385

6.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.504.574.201	1.293.698.579
Các khoản chi phí không được khấu trừ	851.797.291	181.060.149
- Các khoản chi phí không hợp lý	-	9.015.000
- Các khoản chi phí (phạt)	781.632.775	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	70.164.516	172.045.149
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	32.601.688
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	32.601.688
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.356.371.492	1.442.157.040
Chi phí thuế TNDN hiện hành	471.274.298	288.431.408

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	85.274.292.712	88.090.072.569
- Chi phí nhân công	38.020.749.114	31.687.257.852
- Khấu hao tài sản cố định	3.983.741.866	4.414.209.717
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.642.582.853	19.725.653.447
- Chi phí bằng tiền khác	23.667.309.628	5.464.681.576
Cộng	165.588.676.173	149.381.875.161

6.7 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.832.205.968	6.614.657.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	249.634.436.743	249.882.679.923
Cộng	255.466.642.711	256.497.337.443
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	300.943.827.289	275.010.110.269
Phải trả người bán và phải trả khác	74.675.139.865	75.827.303.039
Chi phí phải trả	57.704.538.581	57.643.711.879
Cộng	433.323.505.735	408.481.125.187
Trạng thái ròng	(177.856.863.024)	(151.983.787.744)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

Tại ngày 30/6/2019 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối kỳ			
Vay và nợ thuê tài chính	284.797.013.505	16.146.813.784	300.943.827.289
Phải trả người bán và phải trả khác	74.675.139.865	-	74.675.139.865
Chi phí phải trả	57.704.538.581	-	57.704.538.581
Cộng	<u>417.176.691.951</u>	<u>16.146.813.784</u>	<u>433.323.505.735</u>
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	256.868.368.531	18.141.741.738	275.010.110.269
Phải trả người bán và phải trả khác	75.827.303.039	-	75.827.303.039
Chi phí phải trả	57.643.711.879	-	57.643.711.879
Cộng	<u>390.339.383.449</u>	<u>18.141.741.738</u>	<u>408.481.125.187</u>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.832.205.968	-	5.832.205.968
Phải thu khách hàng và phải thu khác	246.659.417.848	2.975.018.895	249.634.436.743
Cộng	<u>252.491.623.816</u>	<u>2.975.018.895</u>	<u>255.466.642.711</u>
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.614.657.520	-	6.614.657.520
Phải thu khách hàng và phải thu khác	247.338.673.908	2.544.006.015	249.882.679.923
Cộng	<u>253.953.331.428</u>	<u>2.544.006.015</u>	<u>256.497.337.443</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

6.8 Báo cáo bộ phận*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.075.211.778	51.847.501.894	184.922.713.672
Khấu hao và chi phí phân bổ	2.866.804.634	1.116.937.232	3.983.741.866
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	743.589.582	289.710.321	1.033.299.903
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.860.012.330	-	2.860.012.330
Tài sản bộ phận	625.121.962.624	-	625.121.962.624
Tổng tài sản	625.121.962.624	-	625.121.962.624
Nợ phải trả bộ phận	515.061.858.631	-	515.061.858.631
Tổng nợ phải trả	515.061.858.631	-	515.061.858.631

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	184.922.713.672	-	184.922.713.672
Tài sản bộ phận	625.121.962.624	-	625.121.962.624
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2.860.012.330	-	2.860.012.330

6.9 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	147.527,67	2.721,21
- EUR	2.804,88	4.338,10

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	908.553.919	504.041.936
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	908.553.919	504.041.936

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2018 đã được soát xét.



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2019

Trần Thị Hường
Kế toán trưởng

Trần Thị Hằng
Người lập

